

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 07-4-2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước.

2. Ông Đào Khel.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Thành Công - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07/4/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/3/2025 giữa các đương sự:

– Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Bảo T, sinh năm 1999 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

– Bị đơn: Ông Ngô Tường D, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số C đường L, Khóm C, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bảo T trình bày: Bà T và ông Ngô Tường D tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 05/4/2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Bà T và ông D đã không còn chung sống từ tháng 9/2021 đến nay. Thời gian chung sống bà T và ông D có hai con chung là Ngô Bảo L, sinh ngày 09/4/2016 và Ngô Hoàng K, sinh ngày 16/01/2020 hiện đang chung sống với ông D. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân, bà T yêu cầu được ly hôn với ông D. Về con chung, bà T đồng ý giao hai con chung cho ông D trực tiếp

nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà T cấp dưỡng nuôi con, mỗi con chung 2.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2025 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Ngô Tường D, nhưng ông D không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà T và ông D cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như không tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông Ngô Tường D, nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bảo T, nhận thấy bà T và ông D tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38, ngày 05/4/2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hoà hợp. Bà T và ông D đã không còn chung sống từ tháng 9/2021 đến nay. Hiện bà T nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông D nên có nguyện vọng ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã động viên bà T suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông D, nhưng bà T vẫn cương quyết xin được ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông D.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà T và ông D có hai con chung là Ngô Bảo L, sinh ngày 09/4/2016 và Ngô Hoàng K, sinh ngày 16/01/2020 hiện đang chung sống với ông D. Bà T trình bày ông D có việc làm, có thu nhập, có điều kiện chăm sóc con chung nên đồng ý giao hai con chung cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu L và cháu K đủ 18 tuổi, bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, mỗi con chung 2.500.000 đồng/tháng. Xét thấy, hai con chung là Ngô Bảo L và Ngô Hoàng K hiện đang chung sống với ông D, để đảm bảo cho môi trường sống của cháu L, cháu K không bị xáo trộn, để cháu phát triển toàn diện về mọi mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao hai con chung

là Ngô Bảo L, sinh ngày 09/4/2016 và Ngô Hoàng K, sinh ngày 16/01/2020 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu L và cháu K đủ 18 tuổi. Bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng/con chung, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2025, định kỳ vào ngày 15 hàng tháng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bảo T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Bảo T được ly hôn với ông Ngô Tường D.

- Về con chung: Giao hai con chung là Ngô Bảo L, sinh ngày 09/4/2016 và Ngô Hoàng K, sinh ngày 16/01/2020 cho ông Ngô Tường D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi Ngô Bảo L và Ngô Hoàng K đủ 18 tuổi. Bà Huỳnh Thị Bảo T cấp dưỡng nuôi con là Ngô Bảo L và Ngô Hoàng K, mỗi tháng 2.500.000 đồng/con chung. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2025 đến khi Ngô Bảo L và Ngô Hoàng K đủ 18 tuổi. Định kỳ cấp dưỡng hàng tháng vào ngày 15. Địa điểm cấp dưỡng: Tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Bà Huỳnh Thị Bảo T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Bảo T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị Bảo T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Bảo T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008547, ngày 12/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Huỳnh Thị Bảo T còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Ông Ngô Tường D không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh ST (Phòng TT,KT&THA);
- Đương sự;
- VKSND TPST;
- UBND Phường D, TPST, tỉnh ST
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh